TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/10/2019
V/v: "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Quàng Văn Xôm.**

Các Hội thẩm nhân dân huyện Mường Chà:

1.Ông: **Khoàng Văn Hặc;**

2. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện;**

Thư ký ghi biên bản phiên toà**:** Bà **Chu Thị Chức -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện xét xử sơ thẩm công khai thụ lý số: 46/2017/TL - ST ngày 05/9/2019 về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1987.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 03, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Bản H, xã S, huyện M, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - Sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 03, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ.

Nơi công tác: Thanh tra viên Sở giao thông vận tải tỉnh Đ.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 04/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh B quen và tìm hiểu nhau từ cuối năm 2014. Đến ngày 10/02/2015 đăng ký kết hôn tại UBND Xã S, huyện M, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi tổ chức cưới anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm, sau khi chị H sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan

điểm trong cuộc sống và cũng đã có ý định ly hôn nhưng sau đó lại thôi. Đến tháng 01/2019 thì mâu thuẫn ngày càng nhiều, anh chị sống ly thân với nhau và đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị H xác định không còn tình cảm với anh B, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn với anh B.

***) Về con chung:**

Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H – Sinh ngày: 30/12/2015, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh B cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2019 và quá trình giải quyết anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh B và chị H tìm hiểu nhau khoảng thời gian hơn 02 tuần thì ăn hỏi, đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2015, tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đ. Nguyên nhân mẫu thuẫn do chị H sống nặng về kinh tế, còn anh B sống vì tình cảm nên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến 05 năm nay anh, chị sống với nhau không có tình cảm. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh B đồng ý ly hôn.

***) Về con chung:** Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H – Sinh ngày: 30/12/2015, anh B cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con thì anh B đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng.

***) Về tài sản chung và công nợ:** Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại nơi ĐKHTT và nơi ở của anh B và chị H ngày 18/9/2019 và ngày 19/9/2019, thể hiện anh B và chị H không ở nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, tại tổ 03, thị trấn M, huyện M. Chị H ở và sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Bản H, xã S, huyện M, còn anh B thì thỉnh thoảng mới về thăm vợ con, chủ yếu anh ở tại đơn vị công tác, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh chị đều là cán bộ Nhà nước, trưởng bản nơi chị H ở, trưởng phố nơi anh, chị đăng ký HKTT không biết mức thu nhập của anh chị là bao nhiêu.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35/BLTTDS năm 2015; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57,58,81,82,83,84,107,110,116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B. Giao cháu Nguyễn Quỳnh H – Sinh ngày: 30/12/2015 cho chị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Chấp nhận mức và phương thức cấp dưỡng anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000 đồng/ tháng. Anh B được đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Buộc anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về tố tụng đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn B trú tại tổ 03, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về hôn nhân:

[2]. Chị H và anh B tìm hiểu và đi đến hôn nhân đăng ký kết hôn ngày 10/02/2015 tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đ, trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật Luật hôn nhân và đình. Cuộc sống chung của chị H, anh B thời gian đầu thì hoà thuận hạnh phúc, sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng quay về đoàn tụ, thế nhưng anh, chị đều cho rằng giữa hai người có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và cùng đề nghị Tòa án không cần hòa giải nhiều lần, anh B nhất trí ly hôn do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị H và anh B.

Xét về con chung:

[2.1]. Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung: Cháu Nguyễn Quỳnh H - Sinh ngày: 30/12/2015. Chị H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con 2000.000 đ/ tháng. Tại phiên tòa chị H thay đổi mức yêu cầu anh B chỉ phải cấp dưỡng 1.000.000 đông/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh B cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh B cho rằng nếu chị được nuôi con thì anh nhất trí sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng và sẽ cấp dưỡng một quý một lần và chuyển qua tài khoản cho chị H.

Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con của chị H: Về kinh tế anh, chị đều là cán bộ Nhà nước có thu nhập ổn định, với mức thu nhập anh, chị đều có đủ điều kiện để nuôi con nhưng xét thấy cháu Quỳnh H còn nhỏ và là con gái do vậy cháu cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, vậy để bảo đảm cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Quỳnh H, cần giao cháu cho chị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Buộc anh Nguyễn Văn B

phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000 đồng là phù hợp với mức thu nhập của anh B.

Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:

[2.2].Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H và anh B cùng thống nhất là không có tài sản chung, riêng và công nợ và không yêu cầu tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét.

[3].**Về án phí**: Buộc chị Nghuyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Buộc anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với lời nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*) Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35/BLTTDS năm 2015;

*) Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57,58,81,82,83,84,107,110,116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

*) Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh H - Sinh ngày: 30/12/2015 cho chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh Nguyễn Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh B tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000 đồng/ tháng, cho đến khi cháu Nguyễn Quỳnh H đủ tuổi thành niên (18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo quý, một quý một lần và chuyển qua tài khoản cho chị H. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Vì lợi ích của con các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi các đương sự có yêu cầu).

3.Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đó nộp tại biên lai số: AB/2010/00351 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí

đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Áp dụng Điều 271, 273/BLTTDS, chị H, anh B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/10/2019).

Nơi nhận:
- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã Sa Lông, huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Quàng Văn Xôm